

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG  
NGHIỆP VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016  
(đã được soát xét)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-37
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	06-08
Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	15-37



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Xuân Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/01/2016
Ông Lê Thái Hưng	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 15/01/2016
Ông Tô Thành Vinh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/01/2016
Bà Hồ Thị Hiền	Ủy viên	
Ông Nguyễn Xuân Sanh	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thái Hưng	Quyền Phó Tổng Giám đốc
Ông Tô Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Bích Thu	Ủy viên
Bà Dương Thị Trinh	Ủy viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Xuân Biều  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2016

42 -  
ÔNG  
Ổ P  
KHOÁN  
CÔNG  
VIỆT  
- T.P

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được lập ngày 01 tháng 08 năm 2016, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

... C  
... Y  
... HUI  
... M T  
... S  
... M-  
... C.T.  
... TY  
... IAN  
... THƯƠNG  
... NGHIỆP  
... NAM  
... HỒ

## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, tình hình thu nhập toàn diện và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà *CTH*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>232.506.800.355</b>	<b>261.545.626.995</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>118.714.822.100</b>	<b>147.912.181.094</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	705.369.175	2.152.772.505
111.1	1.1 Tiền		705.369.175	2.152.772.505
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	34.913.619.600	68.993.619.600
114	3. Các khoản cho vay	5	17.936.284.475	17.380.853.680
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	730.000.000	730.000.000
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(2.565.479.600)	(2.551.449.600)
117	6. Các khoản phải thu	7	6.400.000.000	-
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		6.400.000.000	-
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	61.464.257.338	62.065.457.338
122	8. Các khoản phải thu khác	7	19.757.674.003	20.347.402.117
129	9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(20.626.902.891)	(21.206.474.546)
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>113.791.978.255</b>	<b>113.633.445.901</b>
131	1. Tạm ứng		3.418.167.980	3.461.723.380
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	248.724.366	48.796.612
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	110.000.000.000	110.000.000.000
135	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	843.357.149	841.197.149
136	5. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		(718.271.240)	(718.271.240)
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.799.023.002</b>	<b>5.331.831.457</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>530.742.282</b>	<b>1.233.890.092</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	280.159.308	762.865.267
222	- Nguyên giá		10.214.935.488	10.214.935.488
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.934.776.180)	(9.452.070.221)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	250.582.974	471.024.825
228	- Nguyên giá		3.535.924.277	3.535.924.277
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.285.341.303)	(3.064.899.452)
<b>250</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.268.280.720</b>	<b>4.097.941.365</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	551.033.102	551.033.102
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	-	37.565.712
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	3.717.247.618	3.509.342.551
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>237.305.823.357</b>	<b>266.877.458.452</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>18.830.637.931</b>	<b>26.302.867.470</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>18.830.637.931</b>	<b>26.302.867.470</b>
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	11.662.937.426	19.662.937.426
312	1.1 Vay ngắn hạn		11.662.937.426	19.662.937.426
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn		20.590.703	-
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		240.000.000	84.750.050
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	426.969.239	648.983.347
323	5. Phải trả người lao động		41.910.130	120.507.402
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		74.157.763	34.620.455
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	6.143.405.339	5.510.891.687
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	220.667.331	240.177.103
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>218.475.185.426</b>	<b>240.574.590.982</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>218.475.185.426</b>	<b>240.574.590.982</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		355.958.850.000	355.958.850.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		341.333.000.000	341.333.000.000
411.1a	a. Vốn pháp định		341.333.000.000	341.333.000.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	14.625.850.000
414	2. Quỹ dự trữ điều lệ		1.813.981.917	1.813.981.917
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.813.981.917	1.813.981.917
417	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(141.111.628.408)	(119.012.222.852)
417.1	4.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(141.111.628.408)	(119.012.222.852)
	<b>TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>218.475.185.426</b>	<b>240.574.590.982</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>237.305.823.357</b>	<b>266.877.458.452</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		34.133.300	34.133.300
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	21	479.000.000	479.000.000
008.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		479.000.000	479.000.000
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	22	24.883.560.000	39.957.410.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
<b>Số lượng chứng khoán</b>				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	23	498.230.070.000	545.498.430.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		484.445.270.000	521.143.030.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		4.246.000.000	-
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		2.565.000.000	3.377.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		6.973.800.000	20.978.400.000
023	2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	24	673.440.000	3.402.300.000
<b>Đồng Việt Nam</b>				
026	1. Tiền gửi của khách hàng	25	2.769.949.583	16.641.650.340
027	1.1 Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán		1.751.570.834	7.896.143.587
027.1	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.751.570.834	7.896.143.587
029	1.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		1.018.378.749	8.745.506.753
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		1.018.378.749	8.745.506.753
031	2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26	2.769.949.583	16.641.650.340
031.1	2.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.769.949.583	16.641.650.340

*Hoàng Thị Châu*

Hoàng Thị Châu  
Người lập

*Vũ Huyền Trâm*

Vũ Huyền Trâm  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Xuân Biều*  
Nguyễn Xuân Biều  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	43.900.000
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	-	11.000.000
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	-	32.900.000
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28.b) 963.182.495	1.642.794.721
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.690.755.825	1.735.505.630
09	1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	79.552.143	-
10	1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	254.500.000	175.000.000
11	1.11	Thu nhập hoạt động khác	28.c) 9.454.550	2.777.268
<b>20</b>		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>3.997.445.013</b>	<b>3.599.977.619</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19.680.000.000	2.546.130.000
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a) 19.680.000.000	2.546.130.000
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	14.030.000	(5.470.260.000)
27	2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	887.418.519	452.376.907
30	2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	258.449.500	98.192.857
31	2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	250.619.404	13.415.000
32	2.12	Chi phí các dịch vụ khác	29 1.745.248.702	1.426.078.060
<b>40</b>		<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>22.835.766.125</b>	<b>(934.067.176)</b>

## BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			2016 VND	2015 VND
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	30	240.088.213	242.398.326
50	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>240.088.213</b>	<b>242.398.326</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
52	4.2 Chi phí lãi vay	31	614.913.652	897.497.918
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>614.913.652</b>	<b>897.497.918</b>
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32	2.868.839.786	(1.529.519.157)
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(22.081.986.337)</b>	<b>5.408.464.360</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
71	8.1 Thu nhập khác	33	278.440.559	293.435.977
72	8.2 Chi phí khác	34	295.859.778	285.895.689
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>(17.419.219)</b>	<b>7.540.288</b>
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>(22.099.405.556)</b>	<b>5.416.004.648</b>
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(22.099.405.556)	5.416.004.648
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	35	-	-
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>(22.099.405.556)</b>	<b>5.416.004.648</b>
500	<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	36	(647)	159




Hoàng Thị Châu  
Người lập



Vũ Huyền Trâm  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Xuân Biểu  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		(22.099.405.556)	5.416.004.648
02	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
03	- Khấu hao tài sản cố định		703.147.810	879.768.945
04	- Các khoản dự phòng		27.787.312	-
06	- Chi phí phải trả, dự phòng phải trả		632.513.652	897.497.918
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư (đầu tư công ty con, liên doanh, liên kết)		(240.088.213)	(7.644.140)
20	<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>			
27	- Hoàn nhập chi phí dự phòng		(593.328.967)	(10.396.369.921)
30	<b>5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động</b>			
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ		34.080.000.000	5.538.330.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(555.430.795)	1.746.451.654
35	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(118.806.642)	(343.480.226)
37	- Tăng (giảm) vay và nợ thuê tài sản tài chính		(8.000.000.000)	(1.000.000.000)
42	<b>6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>3.836.388.601</b>	<b>2.730.558.878</b>
43	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(6.244.750.050)	(1.553.412.036)
45	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		601.200.000	160.000.000
47	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		381.823.047	(110.225.765.541)
48	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho người bán		18.430.703	(354.149.954)
50	- (+) Tăng, (-) giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(222.014.108)	71.780.616
51	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		(58.569.736)	85.926.221.179
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.687.491.543)</b>	<b>(23.244.766.858)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		240.088.213	242.398.326
70	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>240.088.213</b>	<b>242.398.326</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
80	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		-	-
90	<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ</b>		(1.447.403.330)	(23.002.368.532)
101	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		2.152.772.505	122.518.622.419
102	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		2.152.772.505	122.518.622.419
102.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		2.152.772.505	122.518.622.419
103	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>705.369.175</b>	<b>99.516.253.887</b>
104	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		705.369.175	99.516.253.887
104.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán		705.369.175	99.516.253.887



**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		798.316.135.489	319.911.435.808
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(739.728.075.511)	(298.658.345.464)
05	3. Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng		936.365.897	28.474.118
06	4. Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng		(352.967.556)	(503.680.385)
09	5. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(73.043.159.076)	(17.626.044.885)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		4.338.779.425	3.754.890.260
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(4.338.779.425)	(3.754.892.540)
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(13.871.700.757)</b>	<b>3.151.836.912</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>		<b>16.641.650.340</b>	<b>3.992.196.815</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		16.641.650.340	3.992.196.815
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		16.641.650.340	3.992.196.815
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>		<b>2.769.949.583</b>	<b>7.144.033.727</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		2.769.949.583	7.144.033.727
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.769.949.583	7.144.033.727



Hoàng Thị Châu  
Người lập



Vũ Huyền Trâm  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Xuân Biều  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		01/01/2015		6 tháng đầu năm 2015		30/06/2015	
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		355.958.850.000	355.958.850.000	-	-	355.958.850.000	355.958.850.000
1.1 Vốn pháp định		341.333.000.000	341.333.000.000	-	-	341.333.000.000	341.333.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	14.625.850.000	-	-	14.625.850.000	14.625.850.000
2. Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	(10.400.000)	-	-	-	-
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		1.813.981.917	1.813.981.917	-	-	1.813.981.917	1.813.981.917
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.813.981.917	1.813.981.917	-	-	1.813.981.917	1.813.981.917
5. Lợi nhuận chưa phân phối		(125.683.013.746)	(119.012.222.852)	5.416.004.648	-	(120.267.009.098)	(141.111.628.408)
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(125.683.013.746)	(119.012.222.852)	5.416.004.648	-	(120.267.009.098)	(141.111.628.408)
<b>CỘNG</b>		<b>233.893.400.088</b>	<b>240.574.590.982</b>	<b>5.416.004.648</b>	<b>(10.400.000)</b>	<b>239.319.804.736</b>	<b>218.475.185.426</b>

*Hoàng Thị Châu*

**Hoàng Thị Châu**  
Người lập

*Vũ Huyền Trâm*

**Vũ Huyền Trâm**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Xuân Biều**  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2016



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 341.333.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 341.333.000.000 đồng; tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 với mã giao dịch là VIG.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Grand Plaza, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Chi nhánh Hà Thành	Tầng 4, Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 23/11/2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 119/GP-UBCK và kết thúc vào ngày 31/12/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010).

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 theo quy định của Thông tư 210 khi so sánh với số liệu kỳ này.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

### 2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

#### a) *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.



b) Nguyên tắc phân loại

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

**Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:** là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:** là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

105 -  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
KIỂM  
AA  
DANK

S.G.  
QU  
HAI

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Năm 2016 Luật Kế toán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

### 2.5 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                     |             |
|-------------------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị                 | 03 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải               | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng                | 03 - 08 năm |
| - Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế | 03 - 08 năm |

**2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

**2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo thu nhập toàn diện.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**2.8 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.9 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Các khoản vay:** phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán:** phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

**2.10 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.11 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối kỳ trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối kỳ trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.



**2.12 . Doanh thu, thu nhập**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

**2.13 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

**2.14 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính**

*Doanh thu tài chính bao gồm:* Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

*Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:* Chi phí lãi vay.

**2.15 . Các khoản thuế hiện hành**

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**2.16 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ**

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>133.811.211</b>	<b>1.538.044.211.000</b>
- Cổ phiếu	133.811.211	1.538.044.211.000
	<b>133.811.211</b>	<b>1.538.044.211.000</b>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tại quỹ	274.753.855	1.174.536.204
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	428.217.737	976.452.334
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	2.397.583	1.783.967
	<b>705.369.175</b>	<b>2.152.772.505</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

	Cơ sở lập dự phòng kỳ này		Giá trị dự phòng	Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
	Số lượng	Giá số sách VND			
<b>FVTPL</b>		<b>34.913.619.600</b>	<b>304.380.000</b>	<b>(997.749.600)</b>	<b>(14.030.000)</b>
Cổ phiếu niêm yết		1.316.159.600	304.380.000	(997.749.600)	(14.030.000)
- DXV	15.000	219.000.000	67.500.000	(160.500.000)	9.000.000
- SCL	32.900	1.097.159.600	236.880.000	(837.249.600)	(23.030.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết		33.597.460.000			
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	245.039	2.700.000.000			
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Đông Đô	960.000	9.600.000.000			
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 68	499.983	11.897.460.000			
- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hà Nội	783.334	9.400.000.000			
<b>AFS</b>		<b>730.000.000</b>		<b>(730.000.000)</b>	<b>-</b>
Ủy thác đầu tư góp vốn		730.000.000		(730.000.000)	-
- Dự án Hồ Thủy Tiên - TP Huế	-	220.000.000		(220.000.000)	-
- Công ty CP đầu tư thời báo Chứng khoán Việt Nam	-	510.000.000		(510.000.000)	-
		<b>35.643.619.600</b>	<b>304.380.000</b>	<b>(1.727.749.600)</b>	<b>(14.030.000)</b>

**Ghi chú:**

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết, tại thời điểm cuối kỳ do không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên Công ty không trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản ủy thác đầu tư góp vốn, Công ty không thu thập được bất cứ thông tin nào liên quan đến các đơn vị này nên Công ty đang thận trọng trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	823.700.000	823.700.000
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	730.000.000	730.000.000
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính thông qua lãi lỗ	1.011.779.600	997.749.600
	<b>2.565.479.600</b>	<b>2.551.449.600</b>

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	6.400.000.000	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	61.464.257.338	62.065.457.338
- Phải thu khách hàng hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	61.442.257.338	61.442.257.338
- Phải thu các dịch vụ khác	22.000.000	623.200.000
Phải thu khác	19.757.674.003	20.347.402.117
- Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	15.764.944.459	16.146.172.573
- Phải thu CBCNV hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	2.962.584.742	3.171.084.742
- Phải thu khác	1.030.144.802	1.030.144.802
	<b>87.621.931.341</b>	<b>82.412.859.455</b>

11110  
CÔNG  
H NHIỆM  
NG KIẾ  
AA  
AN KIẾ

MINH  
S.G.P  
CH  
QUẢN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**8 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Giá trị phải thu khó đòi	Số đầu kỳ	Kỳ này		Số cuối kỳ
			Số trích lập*	Số hoàn nhập	
			VND	VND	VND
<b>Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác</b>	<b>81.199.931.341</b>	<b>21.206.474.546</b>	<b>13.757.312</b>	<b>(593.328.967)</b>	<b>20.626.902.891</b>
- Phải thu CBCNV hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	2.962.584.742	3.156.001.595	-	(212.100.853)	2.943.900.742
- Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	15.764.944.459	16.146.172.573	-	(381.228.114)	15.764.944.459
- Phải thu khách hàng hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (*)	61.442.257.338	874.155.576	13.757.312	-	887.912.888
- Phải thu khác	1.030.144.802	1.030.144.802	-	-	1.030.144.802
	<b>81.199.931.341</b>	<b>21.206.474.546</b>	<b>13.757.312</b>	<b>(593.328.967)</b>	<b>20.626.902.891</b>

(\*) Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ được tính dựa trên chênh lệch giữa số dư nợ phải thu và tài sản đảm bảo là chứng khoán. Giá trị tài sản đảm bảo này được tính theo giá thị trường tại ngày 30/06/2016 và có tính đến tỷ lệ khấu trừ của tài sản bảo đảm theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính.

26  
CÔNG  
CỔ P  
ỨNG KHOA  
VÀ CÔN  
VIỆ  
- T

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phí quản lý thành viên	223.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	25.724.366	48.796.612
	<b>248.724.366</b>	<b>48.796.612</b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	37.565.712
	<b>-</b>	<b>37.565.712</b>

**10 . CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC****a) Ngắn hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đặt cọc mua văn phòng (*)	110.000.000.000	110.000.000.000
	<b>110.000.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>

**b) Dài hạn**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cầm cố, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược khác	551.033.102	551.033.102
	<b>551.033.102</b>	<b>551.033.102</b>

(\*) Khoản tiền đặt cọc mua bất động sản làm văn phòng Công ty theo hợp đồng môi giới số 02.2015/VICS-VLX ngày 05/01/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân. Theo Phụ lục hợp đồng số 06/02.2015/VICS-VLX ngày 05/07/2016, hai bên tiếp tục thời gian gia hạn hợp đồng 03 tháng kể từ ngày 05/07/2016 đến ngày 05/10/2016, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân tiếp tục nhận khoản tiền 110 tỷ đồng Công ty đã chuyển để làm căn cứ tìm vị trí để bên B làm văn phòng trụ sở Công ty.

**11 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ứng trước cho nhà cung cấp	725.521.240	723.361.240
- Công ty TNHH phần mềm HT2D	470.385.000	470.385.000
- Nhà cung cấp khác	255.136.240	252.976.240
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	117.835.909	117.835.909
	<b>843.357.149</b>	<b>841.197.149</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2016	1.057.495.150	3.615.436.604	5.542.003.734	10.214.935.488
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>1.057.495.150</b>	<b>3.615.436.604</b>	<b>5.542.003.734</b>	<b>10.214.935.488</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2016	1.002.417.310	3.165.640.078	5.284.012.833	9.452.070.221
Khấu hao trong kỳ*	55.077.840	192.690.247	234.937.872	482.705.959
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>1.057.495.150</b>	<b>3.358.330.325</b>	<b>5.518.950.705</b>	<b>9.934.776.180</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2016	55.077.840	449.796.526	257.990.901	762.865.267
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>	<b>-</b>	<b>257.106.279</b>	<b>23.053.029</b>	<b>280.159.308</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.598.040.083 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm giao dịch, kế toán với nguyên giá là: 3.535.924.277 đồng; giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2016 là: 3.285.341.303 đồng, trong đó khấu hao tài sản cố định vô hình trong kỳ là 220.441.851 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.326.783.055	2.326.783.055
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	1.270.464.563	1.062.559.496
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.717.247.618</b>	<b>3.509.342.551</b>

**15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	01/01/2016	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>19.662.937.426</b>	-	<b>(8.000.000.000)</b>	<b>11.662.937.426</b>
Vay đối tượng khác	19.662.937.426	-	(8.000.000.000)	11.662.937.426
	<b>19.662.937.426</b>	-	<b>(8.000.000.000)</b>	<b>11.662.937.426</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

<b>Chi tiết các khoản vay ngắn hạn</b>	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội <sup>(1)</sup>	11.662.937.426	19.662.937.426
	<u>11.662.937.426</u>	<u>19.662.937.426</u>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn**

(1) Hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/12/2010, phụ lục ngày 01/09/2013 với nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 9%/năm;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: tín chấp.

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	4.276.252	76.776.873
Thuế Thu nhập cá nhân	422.692.987	572.206.474
	<u>426.969.239</u>	<u>648.983.347</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.125.805.339	5.510.891.687
Chi phí phải trả khác	17.600.000	-
	<u>6.143.405.339</u>	<u>5.510.891.687</u>

**18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho nhà đầu tư	104.625.000	104.625.000
Các khoản phải trả, phải-nộp khác	116.042.331	135.552.103
	<u>220.667.331</u>	<u>240.177.103</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	6,13%	20.940.000.000	6,13%	20.940.000.000
Asean Small Cap Fund	12,73%	43.444.000.000	12,73%	43.444.000.000
Cổ đông khác	81,14%	276.949.000.000	81,14%	276.949.000.000
	<b>100%</b>	<b>341.333.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>341.333.000.000</b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(141.111.628.408)	(119.012.222.852)
	<b>(141.111.628.408)</b>	<b>(119.012.222.852)</b>

**c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	(119.012.222.852)	(125.683.013.746)
Lãi đã thực hiện kỳ này tính từ 01/01/2016	(22.099.405.556)	5.416.004.648
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến 30/06/2016	(141.111.628.408)	(120.267.009.098)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến 30/06/2016	<b>(141.111.628.408)</b>	<b>(120.267.009.098)</b>

**20 . CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Loại lớn hơn 1 năm	34.133.300	34.133.300
	<b>34.133.300</b>	<b>34.133.300</b>

**21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CÔNG TY**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	479.000.000	479.000.000
	<b>479.000.000</b>	<b>479.000.000</b>

**22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	24.883.560.000	39.957.410.000
	<b>24.883.560.000</b>	<b>39.957.410.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	484.445.270.000	521.143.030.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	4.246.000.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	2.565.000.000	3.377.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	6.973.800.000	20.978.400.000
	<b>498.230.070.000</b>	<b>545.498.430.000</b>

**24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	673.440.000	3.402.300.000
	<b>673.440.000</b>	<b>3.402.300.000</b>

**25 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán</b>	<b>1.751.570.834</b>	<b>7.896.143.587</b>
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.751.570.834	7.896.143.587
1.1. Nhà đầu tư trong nước	1.751.570.834	7.896.143.587
<b>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư</b>	<b>1.018.378.749</b>	<b>8.745.506.753</b>
1. Nhà đầu tư trong nước	1.018.378.749	8.745.506.753
	<b>2.769.949.583</b>	<b>16.641.650.340</b>

**26 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.751.570.834	7.896.143.587
1.1. Nhà đầu tư trong nước	1.751.570.834	7.896.143.587
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	1.018.378.749	8.745.506.753
2.1 Nhà đầu tư trong nước	1.018.378.749	8.745.506.753
	<b>2.769.949.583</b>	<b>16.641.650.340</b>

**27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	17.936.284.475	17.380.853.680
1.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	17.936.284.475	17.380.853.680
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	17.936.284.475	17.380.853.680
	<b>17.936.284.475</b>	<b>17.380.853.680</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**28 . THU NHẬP**

**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này		Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết							
- TIG	329.900	3.903.600.000	5.519.730.000	-	-	-	1.616.130.000
- VIG	500	3.901.600.000	5.509.330.000	-	-	-	1.607.730.000
Cổ phiếu khác							
-		27.120.000.000	47.730.000.000	-	19.680.000.000	-	8.400.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà Công nghệ Thông tin - Truyền thông Hà Nội	2.400.000	24.000.000.000	43.680.000.000	-	19.680.000.000	-	-
Cổ phiếu cơ khí môi trường công nghệ	250.000	3.120.000.000	4.050.000.000	-	-	-	930.000.000
		<b>31.023.600.000</b>	<b>53.249.730.000</b>	<b>-</b>	<b>19.680.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.546.130.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	-	32.900.000
Từ các khoản cho vay	963.182.495	1.642.794.721
	<b>963.182.495</b>	<b>1.675.694.721</b>

**c) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
<b>Thu nhập hoạt động khác</b>	<b>9.454.550</b>	<b>2.777.268</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu khác	9.454.550	2.777.268
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Thu nhập thuần hoạt động khác</b>	<b>9.454.550</b>	<b>2.777.268</b>

**29 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
<b>Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác</b>	<b>1.745.248.702</b>	<b>1.426.078.060</b>
- Chi phí nhân viên trực tiếp	1.190.170.090	904.292.636
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	162.589.566	167.215.794
- Chi phí khác	392.489.046	354.569.630
	<b>1.745.248.702</b>	<b>1.426.078.060</b>

**30 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	240.088.213	242.398.326
	<b>240.088.213</b>	<b>242.398.326</b>

**31 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	614.913.652	897.497.918
	<b>614.913.652</b>	<b>897.497.918</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	1.464.944.996	1.379.022.908
Chi phí công cụ, dụng cụ	59.563.578	48.673.025
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	540.558.244	638.262.395
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.690.000	14.230.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(579.571.655)	(4.941.109.921)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.084.312.938	1.026.241.591
Chi phí khác	293.341.685	305.160.845
	<b><u>2.868.839.786</u></b>	<b><u>(1.529.519.157)</u></b>

**33 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	6.000.000
Tiền cho thuê lại văn phòng	278.440.559	287.435.977
	<b><u>278.440.559</u></b>	<b><u>293.435.977</u></b>

**34 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	13.644.140
Chi phí trả tiền thuê văn phòng cho thuê	295.859.778	272.251.549
	<b><u>295.859.778</u></b>	<b><u>285.895.689</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(22.099.405.556)	5.416.004.648
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(5.416.004.648)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	-	(5.416.004.648)
Tổng thu nhập tính thuế	(22.099.405.556)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

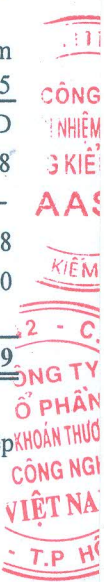
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(22.099.405.556)	5.416.004.648
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(22.099.405.556)	5.416.004.648
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	34.133.300	34.133.300
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(647)</b>	<b>159</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CHỨNG KHOÁN THƯƠNG  
 MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP  
 VIỆT NAM  
 - T.P. HCM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	2.770.307.968	-	1.227.137.045	3.997.445.013	-	3.997.445.013
Chi phí hoạt động	1.145.868.019	19.694.030.000	1.995.868.106	22.835.766.125	-	22.835.766.125
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	240.088.213	-	240.088.213
Chi phí không phân bổ	-	-	-	3.483.753.438	-	3.483.753.438
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>1.624.439.949</b>	<b>(19.694.030.000)</b>	<b>(768.731.061)</b>	<b>(22.081.986.337)</b>	<b>-</b>	<b>(22.081.986.337)</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	3.717.247.618	39.948.525.000	58.773.638.922	102.439.411.540	-	102.439.411.540
Tài sản không phân bổ	-	-	-	134.866.411.817	-	134.866.411.817
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.717.247.618</b>	<b>39.948.525.000</b>	<b>58.773.638.922</b>	<b>237.305.823.357</b>	<b>-</b>	<b>237.305.823.357</b>
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	18.830.637.931	-	18.830.637.931
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>18.830.637.931</b>	<b>-</b>	<b>18.830.637.931</b>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ các hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	676.010.012	671.991.667

**40 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014-TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tên cũ là Bảng cân đối kế toán) và Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng để so sánh với số liệu kỳ này.

Hoàng Thị Châu  
Người lập

Vũ Huyền Trâm  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2016